

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 31/03 đến ngày 06/4/2021)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tuần trời âm u, mưa phùn, có mưa rào nhẹ, ít nắng. Lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 8 mm (thấp hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 27⁰C (cao hơn CKNT), cao nhất 33⁰C, thấp nhất 22⁰C.

Âm độ trung bình 76 - 84% (thấp hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 10 - 15 giờ (cao hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2020 - 2021:

- Lúa xuân: Diện tích lúa gieo, cấy: 29.629,0 ha (Đúng cái - làm đòng, một số ít diện tích đã trổ).

- Ngô: 1.996,6 ha (PTTL - trổ cờ);

- Đậu tương: 42,3 ha (PTTL - ra hoa);

- Lạc: 1.471,5 ha (PTTL - ra hoa);

- Khoai lang: 275,0 ha (PTTL)

- Rau các loại: 2.287,5 ha (các giai đoạn);

- Cây trồng khác: 1.824,2 ha (các giai đoạn).

Thời tiết trong tuần trời âm u, mưa phùn, có mưa rào nhẹ, ít nắng. Cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sinh vật gây hại ở mức độ nhẹ - trung bình.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bầy đên (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,2 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Tam Đảo); Sâu đục thân cú mèo 0,2 con (tương đương kỳ trước), nơi cao 2 con (Tam Đảo, Sông Lô); Rầy nâu 0,9 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 8 con (Lập Thạch); Rầy lưng trắng 0,4 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Sông Lô, Lập Thạch); Rầy xanh đuôi đen 0,2 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Tam Dương, Sông Lô); Sâu cuốn lá nhỏ 1,1 con (cao

hơn kỳ trước), nơi cao 14 con (Sông Lô).

1. Trên lúa

- Trên lúa Xuân sớm

+ Sâu đục thân cú mèo (tuổi 5, nhộng, trưởng thành, trứng) gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,5 - 0,7%, cao 1 - 2% (Sông Lô, Lập Thạch, Yên Lạc).

+ Sâu cuốn lá nhỏ (trưởng thành) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,4 - 0,6 con/m², cao 1 - 2 con/m² (Sông Lô, Yên Lạc).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (tuổi 2, 3, 4) gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 30 - 40 con/m², cao 100 - 150 con/m² (Sông Lô).

+ Bệnh đạo ôn lá gây hại cục bộ với tỷ lệ lá hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cục bộ 5 - 7% (Bình Xuyên).

+ Bệnh khô vằn gây hại với tỷ lệ cây hại phổ biến 2 - 3%, nơi cao 20 - 30% (Sông Lô, Bình Xuyên, Yên Lạc, Vĩnh Tường).

+ Chuột gây hại với tỷ lệ danh hại phổ biến 1 - 2%, cao 4 - 10% (Yên Lạc, Bình Xuyên, Sông Lô, Lập Thạch).

- Trên lúa Xuân muộn

+ Sâu đục thân cú mèo (tuổi 4, 5, trưởng thành) gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,5 - 1%, cao 2 - 5% (Tam Dương, Tam Đảo, Yên Lạc).

+ Sâu cuốn lá nhỏ (trưởng thành) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,4 - 0,6 con/m², cao 2 - 3 con/m² (Sông Lô, Tam Dương).

+ Bệnh đạo ôn lá gây hại với tỷ lệ lá hại phổ biến 0,5 - 0,7%, cục bộ 10 - 15% (Sông Lô, Phúc Yên, Vĩnh Tường, Tam Đảo).

+ Bệnh khô vằn gây hại với tỷ lệ cây hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao 20 - 30% (Sông Lô, Phúc Yên, Vĩnh Tường, Yên Lạc).

+ Chuột gây hại với tỷ lệ danh hại phổ biến 1 - 2%, cao 10 - 15% (Bình Xuyên, Yên Lạc).

2. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,3 - 0,5 con/m², cao 1 - 2 con/m² (Yên Lạc, Sông Lô, ...).

- Trên cây rau su su: Bệnh sương mai hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 5 - 6%, nơi cao 10 - 15% (Tam Đảo).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại nhẹ (Phúc Yên, Vĩnh Yên).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại nhẹ.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 07/4 - 13/4/2021

1. Cây lúa

- Trên lúa Xuân sớm: Sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, chuột, bệnh đạo ôn lá, bệnh khô vằn gây hại rải rác. Rầy (các huyện: Sông Lô, Lập Thạch) gây hại nhẹ tại các ổ cũ, cần theo dõi để phòng chống kịp thời đạt hiệu quả.

- Trên lúa Xuân muộn: Bệnh đạo ôn lá (các huyện: Sông Lô, Lập Thạch, Vĩnh Tường, Tam Đảo, Bình Xuyên) tiếp tục phát triển gây hại nhẹ - nặng cục bộ một số diện tích lúa nếu không phòng chống kịp thời. Ngoài ra sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, chuột, bệnh khô vằn gây hại rải rác.

2. Cây ngô

Sâu keo mùa thu phát sinh gây hại nhẹ, chú ý theo dõi để chỉ đạo phòng chống kịp thời.

3. Cây rau

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, sâu tơ, bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Trên cây su su: Bệnh sương mai gây hại cục bộ.

4. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Sâu bệnh gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Đề nghị

- Các thành viên trong Tổ công tác (tại Quyết định số 29/QĐ-CCTT&BVTV ngày 31/3/2021 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) tăng cường xuống địa bàn được phân công để phối hợp chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn hướng dẫn nông dân phòng chống sinh vật gây hại theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp & PTNT (Văn bản số 613/SNN&PTNT-TT&BVTV ngày 06/4/2021).

- Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố:

+ Ra thông báo cao điểm sâu bệnh hại trong tháng 4, 5 để chỉ đạo phòng chống kịp thời an toàn, hiệu quả.

+ Kiểm tra, đôn đốc nông dân các xã, thị trấn phòng chống sinh vật gây hại

trên địa bàn huyện, thành phố; đặc biệt là bệnh đạo ôn lá không để bệnh lây lan diện rộng.

+ Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn huyện.

+ Hướng dẫn nông dân thực hiện tốt các biện pháp IPM, SRI (trên cây lúa); sản xuất rau theo tiêu chuẩn Viet GAP, GlobalGAP (trên cây rau).

2. Biện pháp quản lý

- Thăm đồng thường xuyên để phát hiện và chỉ đạo phòng chống kịp thời các đối tượng sinh vật gây hại trên đồng ruộng

- Trên lúa Xuân:

+ Đối với diện tích lúa bị bệnh đạo ôn lá phát sinh gây hại với tỷ lệ lá hại từ 5 - 10% cần phun ngay bằng các loại thuốc đặc hiệu như: Bump 600WP, Fuji-one 40EC, Filia 525SE, Bankan 600WP, Amistar Top 325 SC, ... Những ổ bệnh nặng trên 20% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày và ngừng bón các loại phân đến khi vết bệnh dừng hẳn mới chăm sóc tiếp.

+ Đối với diện tích lúa rầy gây hại, khi mật độ trên 750 con/m² : Dùng thuốc Chim Ưng 20WG, Virtako 40WG, Sutin 5EC...

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu dùng thuốc: Bitadin WP, Angun 5WG, Emaben 3,6WG, Proclaim[®] 5WG, Lufen extra 100EC,...

- Trên cây rau: Sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang dùng thuốc Kajio 5EC, Dylan 2 EC, Tập kỳ 1.8EC....; bọ nhảy dùng thuốc Bamectin 5.55EC, Shertin 5.0EC, Abatimec 1.8EC... Bệnh sương mai dùng thuốc Daconil 500SC, Ridomil Gold 68WG,....

Lưu ý: Khi phun cần tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và đảm bảo thời gian cách ly trước khi thu hoạch.

- Tiếp tục diệt chuột tập trung ở những diện tích bị chuột gây hại. Sử dụng các biện pháp thủ công, dùng bẫy lồng, bẫy sập, bả chuột ít độc hại để diệt chuột bảo đảm an toàn cho sản xuất và đời sống

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 31/03 - 06/4/2021), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

-Phòng NN&PTNT (Kinh tế)
các huyện,thành phố;
- Lưu: VT, BVTV.

Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG THỐNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
(Từ ngày 31/03/2021 đến ngày 06/04/2021)

| Cây trồng | GDST | Sinh vật hại | Mật độ sâu, tỷ lệ hại | | | | Diện tích nhiễm (ha) | | | | | DTN so CKNT (ha) | DTPT (ha) | Phân bố |
|-------------------------|------------------|-----------------|-----------------------|------|------|------------|----------------------|------------|----------|------|-----|------------------|-----------|---------|
| | | | ĐVT | Nhẹ | TB | Nặng | Tổng | Nhẹ | TB | Nặng | Mtr | | | |
| Lúa xuân sớm | Đòng - Đòng già | Chuột | %DH | 3,3 | 7,6 | | 48 | 28 | 20 | | | +20 | 53 | Rải rác |
| | | Bệnh đạo ôn lá | %LH | 5 | | | 0,3 | 0,3 | | | | -0,2 | - | Cục bộ |
| | | Bệnh khô vằn | %DH | 13,8 | 24,7 | | 62 | 42 | 20 | | | +12 | 47 | Rải rác |
| Lúa xuân muộn | Đứng cái - đòng | SĐT cú mèo | %DH | 4,5 | | | 6 | 6 | | | | - | 6 | Rải rác |
| | | Chuột | %DH | 4,6 | 7,6 | 15 | 136 | 101 | 32 | 3 | | -194,3 | 72 | Rải rác |
| | | Bệnh khô vằn | %DH | 14,1 | 25,7 | | 329 | 252 | 77 | | | +14 | 362 | Rải rác |
| | | Bệnh đạo ôn lá | %LH | 8,3 | 14 | | 12,7 | 10,7 | 2 | | | +12,6 | 15,2 | Cục bộ |
| Ngô | PTTL – trỗ cờ | Sâu keo mùa thu | Con/m ² | 2 | | | 8 | 8 | | | | +7 | 8 | Rải rác |
| Su su | PTTL - thu hoạch | Bệnh sương mai | %CH | 15 | | | 3 | 3 | | | | - | 2 | Hẹp |
| Tổng DT nhiễm SB | | | | | | 605 | 451 | 151 | 3 | | | 565,2 | | |

Ghi chú:GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: KS.Trần Thị Đoàn Trang.